

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
=====

TRẦN THỊ THU HƯƠNG

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TẠI VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Mã số: 60 14 05

HÀ NỘI – 2011

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Công Giáp

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
\ họp tại

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phòng Tư liệu Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nền giáo dục đào tạo nước nhà nói chung và của ngành nông nghiệp nói riêng, đào tạo sau đại học giữ vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, chất lượng để đáp ứng những đòi hỏi của sự nghiệp CNH-HĐH, phát triển kinh tế – xã hội cho từng địa phương và cả nước; Nhưng hiện nay, công tác quản lý Đào tạo Sau đại học ở các cơ sở đào tạo còn tồn tại nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển KT – XH. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “Quản lý đào tạo sau đại học tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam” là một yêu cầu cấp bách và có ý nghĩa rất thiết thực trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học hiện nay .

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo sau đại học, đến nay đã có rất nhiều đề tài luận văn, luận án, công trình nghiên cứu cũng như các chương trình, hội nghị, hội thảo bàn về vấn đề này ở cả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu khác nhau. Vì việc thực hiện đề tài “*Quản lý đào tạo sau đại học tại Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam*” là không có sự trùng lặp về đối tượng nghiên cứu với bất kỳ một công trình nghiên cứu nào trước đó.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất những giải pháp quản lý để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo sau đại học của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn mới.

4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là: Ban Đào tạo Sau đại học, các đơn vị, nhân sự liên quan như: Cán bộ quản lý, giảng viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh.
- Khách thể nghiên cứu: Hoạt động đào tạo sau đại học của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của công tác quản lý đào tạo sau đại học.
- Khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý đào tạo sau đại học tại Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam.
- Chỉ ra được những nguyên nhân của thực trạng.
- Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đào tạo sau đại học của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam.

6. Giới hạn của đề tài

Nhận xét tổng thể và có những đánh giá về thực trạng quản lý công tác đào tạo sau đại học của Viện.

7. Giả thuyết nghiên cứu

Trong thực tiễn đào tạo sau đại học của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn tồn tại một số bất cập ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả đào tạo.

8. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

- Các phương pháp nghiên cứu gồm:

- + Phương pháp nghiên cứu lý luận
- + Phương pháp điều tra bằng phiếu thăm dò
- + Phương pháp toán thống kê
- + Phương pháp phỏng vấn

- Công cụ nghiên cứu: Bộ các câu hỏi tìm hiểu về những vấn đề nghiên cứu của đề tài.

9. Cấu trúc của luận văn

Luận văn gồm 103 trang không kể phần Phụ lục, 14 bảng số liệu và sơ đồ, 25 tài liệu tham khảo.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Khái niệm quản lý

Quản lý là sự tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra với 4 hoạt động chủ yếu là: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá.

1.1.2. Chức năng của quản lý

Chức năng quản lý là một dạng hoạt động quản lý chuyên biệt thông qua đó chủ thể quản lý tác động vào khách thể quản lý nhằm thực hiện một mục tiêu nhất định

1.2. Đào tạo và quản lý đào tạo

1.2.1. Đào tạo

Đào tạo là quá trình tác động đến một con người nhằm làm cho người đó lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo... một cách có hệ thống nhằm chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng nhận một sự phân công lao động nhất định, góp phần của mình vào việc phát triển xã hội, duy trì và phát triển nền văn minh của loài người.

1.2.2. Quản lý đào tạo

Quản lý đào tạo là hệ thống những tác động có ý thức, hợp quy luật của chủ thể quản lý ở các cấp quản lý khác nhau đến tất cả các khâu của hệ thống nhằm đảm bảo sự vận hành ổn định của các trường học và cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục đào tạo nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đào tạo của Nhà nước.

Quản lý đào tạo cũng có rất nhiều quan niệm khác nhau ở nhiều cấp độ. Có hai cấp độ chủ yếu là cấp vĩ mô và cấp vi mô.

* Đối với cấp vĩ mô.

- Quản lý đào tạo được hiểu là những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tất cả các mắt xích của hệ thống (từ cấp cao nhất đến các cơ sở đào tạo là nhà trường) nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo.

*** Đối với cấp vi mô.**

- Quản lý đào tạo được hiểu là hệ thống những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, công nhân viên, tập thể học sinh, sinh viên, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu đào tạo của cơ sở đào tạo.

1.2.3. Mục tiêu của quản lý đào tạo

Mục tiêu của quản lý đào tạo là cái đích phải đạt tới của quá trình quản lý.

1.2.4. Chức năng của quản lý đào tạo

- Chức năng quản lý đào tạo là một dạng hoạt động quản lý chuyên biệt thông qua đó chủ thể quản lý tác động vào khách thể quản lý nhằm thực hiện một mục tiêu quản lý đào tạo nhất định.

1.2.5. Phương pháp quản lý đào tạo

1.2.5.1. Phương pháp quản lý là gì?

Phương pháp quản lý là tổng thể các cách thức tác động có thể có và có chủ đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý và khách thể quản lý để đạt được mục tiêu đề ra.

1.2.5.2. Phương pháp quản lý đào tạo là gì?

Phương pháp quản lý đào tạo là các biện pháp, thủ thuật của cơ sở đào tạo nhằm thực hiện mục tiêu quản lý đã dự kiến.

Phương pháp bao giờ cũng là phương pháp của những con người cụ thể, trong những điều kiện cụ thể. Vì vậy, các phương pháp quản lý đào tạo chịu sự chi phối mạnh mẽ của đặc điểm tâm lý cá nhân mỗi thành viên trong tổ chức và văn hóa của tổ chức. Hiệu quả của các phương pháp quản lý đào tạo còn phụ thuộc vào khả năng vận dụng của người quản lý trong điều kiện cụ thể của cơ sở đào tạo. Do đó, không có phương pháp quản lý đào tạo nào là vạn năng đạt hiệu quả trong mọi trường hợp. Và việc phối hợp các phương pháp quản lý đào tạo và vận dụng một cách linh hoạt là một cách tối ưu được coi là điều có tính nguyên tắc.

Về cơ bản thì có ba phương pháp quản lý đào tạo cơ bản là:

- Phương pháp tổ chức – hành chính
- Phương pháp kinh tế
- Phương pháp tâm lý xã hội

Trong quản lý đào tạo, nếu lựa chọn đúng đắn và biết kết hợp tối ưu các phương pháp quản lý phù hợp với nguyên tắc quản lý, đối tượng quản lý, tình huống quản lý để đạt kết quả cao thì đó chính là tài năng nghệ thuật quản lý.

Dấu hiệu của việc vận dụng tốt phương pháp quản lý là năng suất, chất lượng, hiệu quả đào tạo cao, không khí tâm lý trong tập thể lành mạnh.

1.2.6. Vai trò, trách nhiệm của cán bộ quản lý đào tạo

Theo luật giáo dục năm 2005: cán bộ quản lý giáo dục đào tạo là chủ thể tham gia hoạt động giáo dục đào tạo, một bộ phận trong số đó là nhà giáo.

Cán bộ quản lý giáo dục có vai trò quan trọng trong việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động giáo dục diễn ra đúng pháp luật, có tổ chức, bảo đảm chất lượng giáo dục và đạt được những mục tiêu của giáo dục đào tạo

1.3. Đào tạo sau đại học và quản lý đào tạo sau đại học

1.3.1. Đào tạo sau đại học

Đào tạo sau đại học là chuỗi tiếp bước đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ đại học.

Mục tiêu của đào tạo sau đại học là trang bị những kiến thức sau đại học và nâng cao kỹ năng thực hành nhằm xây dựng đội ngũ những người làm khoa học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khoa học- công nghệ của đất nước.

Đào tạo sau đại học bao gồm: đào tạo thạc sĩ, đào tạo tiến sĩ và bồi dưỡng sau đại học.

1. *Đào tạo thạc sĩ* là đào tạo ra những người có trình độ chuyên ngành vững chắc. Thạc sĩ là những người sau khi được học nâng cao và cùng với kinh nghiệm làm việc đã tích lũy được, họ sẽ có thêm kiến thức liên ngành và năng lực thực hiện công tác chuyên môn cũng như nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành đào tạo.

2. *Đào tạo tiến sĩ* là đào tạo ra đội ngũ những cán bộ có trình độ cao về lý thuyết, thực hành; có năng lực sáng tạo, độc lập nghiên cứu; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn; Phát hiện và giải quyết được những vấn đề khoa học-công nghệ.

3. *Bồi dưỡng sau đại học*: là loại hình đào tạo nhằm bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức để theo kịp sự phát triển của khoa học, công nghệ trong nước và trên thế giới.

1.3.1.1. Hoạt động đào tạo thạc sĩ:

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện từ một năm đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

Yêu cầu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thể hiện mục tiêu đào tạo. Đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao những kiến thức đã học ở trình độ đại học; tăng cường kiến thức liên ngành; có đủ năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành hoặc chuyên ngành được đào tạo. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có thời lượng từ 30 – 55 tín chỉ và được cấu trúc gồm hai phần:

1. Các học phần chiếm khoảng 80% thời lượng chương trình đào tạo, bao gồm: phần kiến thức chung (học phần Triết học và học phần ngoại ngữ), phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành.

2. Luận văn thạc sĩ, chiếm khoảng 20% thời lượng chương trình đào tạo. Đề tài luận văn thạc sĩ là một chuyên đề khoa học, kỹ thuật hoặc quản lý cụ thể do cơ sở đào tạo giao hoặc do học viên tự đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý.

1.3.1.2. Hoạt động đào tạo tiến sĩ:

Hoạt động đào tạo tiến sĩ được xếp vào hình thức đào tạo sau đại học, dành cho những người đã tốt nghiệp đại học, cao học với mục đích trang bị những kiến thức sau đại học và nâng cao kỹ năng thực hành nhằm xây dựng đội ngũ những người làm khoa học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có trình độ cao về lý thuyết và thực hành; có năng lực sáng tạo, độc lập nghiên cứu; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn; phát hiện và giải quyết được những vấn đề khoa học - công nghệ.

Thời gian đào tạo tiến sĩ theo hình thức tập trung là bốn năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học; từ hai đến ba năm đối với người có bằng thạc sĩ. Thời gian đào tạo tiến sĩ theo hình thức không tập trung là năm năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học; từ ba đến bốn năm đối với người có bằng thạc sĩ.

Yêu cầu đối với chương trình đào tạo tiến sĩ gồm 3 phần:

- Phần 1: Các môn học của chương trình đào tạo thạc sĩ.
- Phần 2: Các chuyên đề tiến sĩ
- Phần 3: Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình khoa học chứa đựng những đóng góp có giá trị trong lĩnh vực khoa học chuyên ngành, thể hiện khả năng độc lập, sáng tạo nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh. Đóng góp mới của luận án có thể là: những kết quả mới hay đề xuất mới có tác dụng bổ sung, phát triển hoặc làm phong phú thêm vốn kiến thức đã có của chuyên ngành; những ứng dụng sáng tạo và phát triển có cơ sở khoa học dựa trên các thành tựu đã có nhằm giải quyết những yêu cầu thiết thực của kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ

1.3.1.3. Hoạt động bồi dưỡng sau đại học:

Chương trình bồi dưỡng sau Đại học được xây dựng theo yêu cầu thực tiễn nghiên cứu sinh của khoa học và công nghệ, kinh tế-xã hội. Nội dung chương trình bồi dưỡng sau Đại học thường xuyên được đổi mới và bổ sung nhằm đạt được mục đích đã đề ra. Hàng năm, các cơ sở đào tạo sau đại học có kế hoạch xây dựng chương trình, tổ chức bồi dưỡng và thông báo rộng rãi về các chương trình bồi dưỡng sau đại học của cơ sở mình.

1.3.2. Hoạt động Quản lý đào tạo sau đại học

Đối tượng quản lý của đào tạo sau đại học bao gồm:

- Tập thể giáo viên, nhân viên thuộc cơ sở đào tạo
- Tập thể học viên, nghiên cứu sinh
- Các hoạt động đào tạo
- Ngân sách, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học – giáo dục, đào tạo
- V.v...

1.3.3. Kết luận chương 1.

Trong chương này, chúng tôi đã tiến hành phân tích hệ thống hóa những nội dung cơ bản và chủ yếu của các khái niệm quản lý, quản lý đào tạo, quản lý đào tạo sau đại học, đánh giá về chất lượng đào tạo sau đại học của nước ta hiện nay...nhằm tạo cơ sở lý luận cho việc quản lý tổ chức hoạt động dạy học nói chung và quản lý đào tạo sau đại học nói riêng.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC TẠI VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

2.1. Vài nét về Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam

Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam tiền thân là Viện Trồng trọt (năm 1952). Viện được thành lập và tổ chức lại theo các Quyết định số 220/2005/QĐ-TTg và 930/2005/QĐ-TTg ngày 09/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp hệ thống tổ chức khoa học thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát

triển Nông thôn. Viện có nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản có định hướng, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đào tạo sau đại học và tham gia đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Tính đến tháng 01 năm 2011, Viện có 17 Viện và Trung tâm trực thuộc, với tổng số cán bộ, viên chức trong biên chế hiện nay là 3.540 người, trong đó có 34 Giáo sư, Phó giáo sư và 200 tiến sĩ hoạt động trên phạm vi toàn quốc với địa hình trải dài từ Bắc vào Nam, cả khu vực đồng bằng và các tỉnh miền núi. Giúp việc cho Ban Giám đốc có 5 Ban chức năng. Trụ sở chính của Viện đặt tại thành phố Hà Nội.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Viện bao gồm các lĩnh vực: Thu thập, lưu trữ, đánh giá và khai thác tài nguyên di truyền thực vật và vi sinh vật nông nghiệp; Đa dạng sinh học nông nghiệp; Công nghệ sinh học, sinh lý, sinh hóa, di truyền nông nghiệp; Chọn tạo giống cây trồng và kỹ thuật canh tác; Quy luật phát sinh, phát triển sâu bệnh, cỏ dại và biện pháp phòng trừ; thuốc bảo vệ thực vật và đấu tranh sinh học; Quy luật phát sinh, phân loại, sử dụng, cải tạo nâng cao độ phì nhiêu của đất; bảo vệ, chống thoái hóa và sa mạc hóa đất nông lâm nghiệp; phân bón và dinh dưỡng cây trồng; Công nghệ bảo quản nông sản; Hệ thống nông nghiệp; Nông lâm kết hợp; Môi trường nông nghiệp, nông thôn và chất lượng vật tư, sản phẩm nông nghiệp.

2.2. Đặc điểm công tác quản lý đào tạo sau đại học của Viện

Cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam gồm có:

- Lãnh đạo Viện: Giám đốc, 04 Phó giám đốc

- Các phòng ban chức năng:

1. Ban Tổ chức hành chính và xây dựng cơ bản
2. Ban Khoa học và hợp tác quốc tế
3. Ban Đào tạo sau đại học
4. Ban Tài chính
5. Ban Thông tin

- 17 Viện/ trung tâm trực thuộc

Trong đó, Ban Đào tạo sau đại học là Ban hành chính chuyên môn, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc quản lý và thực hiện công tác đào tạo sau đại học và bồi dưỡng cán bộ cho ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Bảng 2.1. Đánh giá của HV, NCS, GV, CBHDKH về tổ chức, bộ máy của cơ sở đào tạo Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

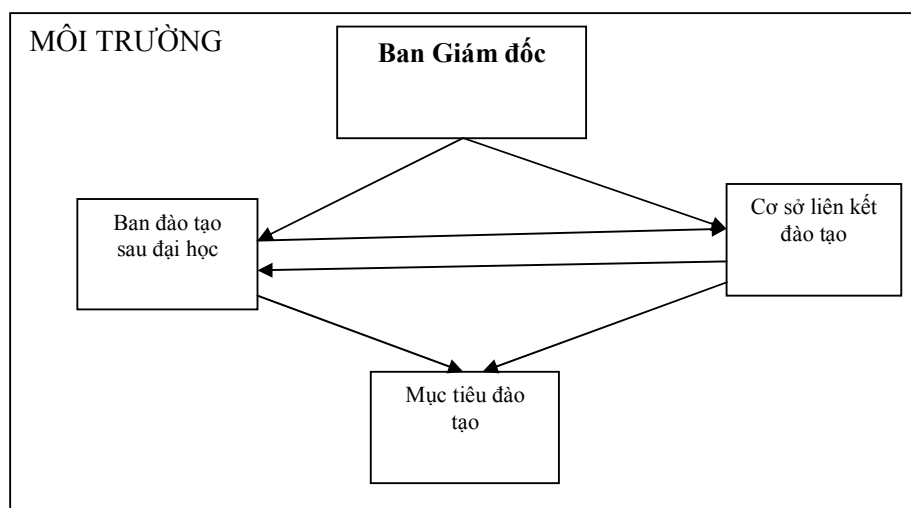
STT	Mức độ	Tần suất (%)
1	Tốt	80
2	Trung bình	20
3	Yếu	0

Đánh giá về cơ cấu tổ chức của Viện, đa số các ý kiến đều đánh giá cơ cấu tổ chức của Viện, đặc biệt là của Ban Đào tạo sau đại học ở mức tốt (80%). Bên cạnh đó vẫn còn một số ý kiến đánh giá ở mức trung bình (20%) và đối với những ý kiến này thì họ cho rằng, với khối lượng công việc hiện tại của Ban Đào tạo thì đội ngũ

cán bộ như hiện nay (06 người) là chưa đủ, cần phải bổ sung thêm cán bộ quản lý chuyên môn, có như vậy mới đảm bảo cho hoạt động quản lý được thông suốt, nhanh chóng và giảm bớt áp lực cho đội ngũ cán bộ quản lý hiện tại. Không có ý kiến đánh giá cơ cấu tổ chức của cơ sở đào tạo ở mức yếu.

Hiện nay, Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam quản lý đào tạo sau đại học theo sơ đồ:

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quản lý đào tạo sau đại học của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam



2.2.1. Quản lý đào tạo thạc sĩ.

Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ từ năm 1991 tại Quyết định số 2553/QĐ-BGD&ĐT ngày 5/10/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo với 07 chuyên ngành đào tạo là: *Trồng trọt; Di truyền và Chọn giống cây trồng; Bảo vệ thực vật; Khoa học đất; Hệ thống nông nghiệp; Chăn nuôi; Thú y;*

Thực hiện nhiệm vụ của Viện, hoạt động đào tạo thạc sĩ đã bám sát và thực hiện nghiêm các văn bản pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà nước về đào tạo sau đại học và đào tạo thạc sĩ:

2.2.2. Quản lý đào tạo tiến sĩ

Viện được chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ từ năm 1979 tại Quyết định số 5515 VP ngày 19/12/1979 của Thủ tướng Chính phủ với 11 chuyên ngành đào tạo là: Trồng trọt; Di truyền và Chọn giống cây trồng; Bảo vệ thực vật; Quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp; Đất và dinh dưỡng cây trồng; Chăn nuôi động vật; Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi; Sinh sản và bệnh sinh sản gia súc; Vi sinh vật học thú y; Dịch tễ học thú y; Ký sinh trùng học thú y; và nay là 05 chuyên ngành: Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Di truyền và chọn giống cây trồng, Đất và dinh dưỡng cây trồng, Chăn nuôi động vật.

Thực hiện nhiệm vụ của Viện, bộ phận quản lý đào tạo tiến sĩ đã bám sát và thực hiện nghiêm các văn bản pháp quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà nước về đào tạo tiến sĩ:

2.2.3. **Quản lý Bồi dưỡng sau đại học**

Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam còn tổ chức thành công các lớp bồi dưỡng sau đại học và đào tạo ngắn hạn trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn với các nội dung như: Bồi dưỡng về phương pháp, kỹ năng viết và trình bày báo cáo; Kỹ năng khai thác thông tin khoa học phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp; Phân tích hiệu quả các dự án nông nghiệp; Năng lực xây dựng, đấu thầu và quản lý dự án nông nghiệp; Quản lý và sử dụng hiệu quả phân bón trong nông nghiệp; Nâng cao năng lực giám sát và cấp chứng chỉ chất lượng nông sản an toàn phục vụ hội nhập quốc tế; Sản xuất cây trồng và biến đổi khí hậu; Cây chuyển gen (GMO) và các nguy cơ trong sản xuất nông nghiệp; Phương pháp chuẩn đoán, giám định dịch hại; Các biện pháp phòng trừ sinh học trong bảo vệ thực vật; Cây trồng nhiên liệu sinh học; Kỹ thuật canh tác cây trồng trên đất dốc, Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn đại lý cho nông sản...

2.3. **Thực trạng quản lý đào tạo sau đại học tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam**

Được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Đảng bộ, ban Giám đốc Viện, cùng với sự nỗ lực của Ban Đào tạo sau đại học, lòng nhiệt tình của các giảng viên, người hướng dẫn. Hơn 5 năm qua Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đã đào tạo được: 40 tiến sĩ và 187 thạc sĩ.

Bảng 2.2: Kết quả đào tạo sau đại học giai đoạn 2006-2010.

Năm	Nghiên cứu sinh (người)			Học viên cao học (người)		
	Tổng số NCS trong năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tổng số học viên trong năm	Tuyển mới	Tốt nghiệp
2006	42	10	6	66	20	58
2007	53	19	11	59	39	40
2008	46	21	9	82	43	23
2009	54	20	6	79	36	32
2010	64	31	8	80	39	34
		101	40		177	187

(Nguồn: Ban Đào tạo sau đại học, Viện Khoa học Nông nghiệp VN)

Công tác đào tạo sau đại học của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, đã góp phần không nhỏ trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các nhà khoa học đầu ngành cho nền nông nghiệp nước nhà.

Hiện nay quy mô đào tạo sau đại học của Viện là 11 chuyên ngành tiến sĩ và 7 chuyên ngành thạc sĩ với sự tham gia của 17 đơn vị thành viên.

2.3.1. **Quản lý công tác tuyển sinh**

Trước đây, Viện liên kết với Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành: Di truyền và chọn giống cây trồng, Bảo vệ thực vật, Khoa học

đất, Thú y và Hệ thống nông nghiệp; liên kết với Đại học Thái nguyên đào tạo Thạc sĩ hai chuyên ngành Trồng trọt và Chăn nuôi. Nhưng từ năm 2008 đến nay, Viện chỉ còn liên kết với Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Trong quá trình tổ chức tuyển sinh Viện luôn thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và đào tạo, văn bản phối hợp với đơn vị phối hợp như: hồ sơ và đối tượng tuyển sinh, thực hiện nghiêm quy chế tuyển sinh thạc sĩ và tiến sĩ.

Bảng 2.3. Đánh giá quá trình tuyển sinh sau đại học

Quá trình tuyển sinh	Tốt	Khá	Trung bình	Thứ bậc
1. Thông báo tuyển sinh và tiếp nhận hồ sơ được thực hiện công khai	60		0	1
2. Quá trình xét duyệt hồ sơ và thi tuyển được thực hiện công bằng, không phân biệt giới tính, tuổi tác, địa bàn công tác, thâm niên công tác, vị trí chức vụ	58	2	0	2
3. Quá trình tuyển sinh thực hiện khách quan, có sự giám sát và kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ Giáo dục và Đào tạo	54	6	0	4
4. Hội đồng tuyển sinh làm việc nghiêm túc, đúng quy chế	56	4	0	3
Tổng	60			

Tất cả các nội dung này số phiếu đánh giá đều ở mức rất cao >90%. Trong đó nội dung 1, việc thông báo tuyển sinh và tiếp nhận hồ sơ được thực hiện công khai đạt số điểm tuyệt đối là 100%. Qua đây có thể thấy, ở bước ban đầu là tuyển sinh đầu vào, cơ sở đào tạo Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam phối hợp với các liên kết đào tạo đã thực hiện rất nghiêm túc, được cả học viên, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn đánh giá cao.

2.3.2. Quản lý chương trình đào tạo

2.3.2.1. Quản lý việc thực hiện chương trình giảng dạy của giảng viên

Chương trình đào tạo sau đại học của Viện được Hội đồng khoa học Viện duyệt nghiệm thu chương trình và quyết định cho tổ chức đào tạo.

Để quản lý việc thực hiện chương trình giảng dạy của giảng viên, đối với mỗi học phần, chuyên đề, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đều yêu cầu giảng viên phụ trách học phần, chuyên đề có đề cương chi tiết về nội dung học phần, chuyên đề, thường xuyên cập nhật các sách, tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung học phần, chuyên đề. Ban Đào tạo sau đại học lên kế hoạch về thời lượng giảng dạy của từng học phần, chuyên đề và theo dõi sát sao để giảng viên thực hiện đúng thời lượng của từng học phần và chuyên đề.

Bảng 2.4. Đánh giá về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1. Số lượng học phần, chuyên đề bắt buộc là phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu của HV, NCS	58	2	0	0
2. Học phần, chuyên đề bắt buộc có nội dung phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu của HV, NCS	58	2	0	0
3. Số lượng học phần, chuyên đề bổ sung là phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu của HV, NCS	54	6	0	0
4. Học phần, chuyên đề bổ sung có nội dung phù hợp với chuyên ngành nghiên cứu của HV, NCS	58	2	0	0
5. Học phần, chuyên đề có nội dung thiết thực với HV, NCS	56	4	0	0
6. Học phần, chuyên đề được bổ sung, biên soạn hàng năm	44	14	2	0
7. Danh mục các Học phần, chuyên đề được cấp có thẩm quyền phê duyệt	46	14		0
8. Học phần, chuyên đề có nội dung theo kịp sự phát triển khoa học của khu vực và trên thế giới	46	12	2	0
9. Các học phần, chuyên đề đáp ứng yêu cầu về kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành đào tạo	56	2	2	0
Tổng	60			

2.3.2.2. Quản lý tiến độ học tập, nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh

Quá trình nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh là quá trình tương đối độc lập, vì vậy mỗi học viên và nghiên cứu sinh có tiến độ hoàn thành công việc khác nhau. Điều này đòi hỏi các cán bộ quản lý đào tạo phải thường xuyên theo dõi, bám sát tiến độ học tập của học viên và nghiên cứu sinh để đảm bảo quá trình học tập đạt kết quả tốt nhất. Công tác này được Học viên và nghiên cứu sinh và người hướng dẫn đánh giá ở mức cao, trong đó không có ý kiến nào đánh giá ở mức trung bình, yếu và rất yếu.

2.3.3. Quản lý giảng viên, người hướng dẫn khoa học.

Để có thể tìm được những người có trình độ và chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy, hướng dẫn học viên và nghiên cứu sinh cũng như tham gia hội đồng chấm luận văn, luận án thì Viện đã tiến hành:

- Hàng năm, rà soát số lượng giảng viên, cán bộ hướng dẫn khoa học xem đã đủ theo yêu cầu của quy mô đào tạo chưa. Nếu thiếu thì có biện pháp, kế hoạch để bổ sung.

- Tăng cường thăm dò thông qua học viên, nghiên cứu sinh để đánh giá phương pháp, thái độ giảng dạy của giảng viên, trên cơ sở đó có những tác động vào ý thức tự bồi dưỡng của giảng viên.

- Lập danh sách lý lịch khoa học của các cán bộ khoa học thuộc các đơn vị có liên quan đến ngành Nông nghiệp từ các cơ sở đào tạo khác như :Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, v.v.. Hệ thống lý lịch khoa học này được cập nhật, đánh giá thường xuyên. Điều này giúp ích rất lớn trong công tác đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ của Viện, tìm được các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo từ khâu giảng dạy, hướng dẫn đến đánh giá luận văn, luận án.

Hiện nay, số giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy Sau đại học tại Viện gồm có 224 người. Giảng viên phân theo chuyên ngành có Trồng trọt: 48; Di truyền chọn giống: 43; Bảo vệ thực vật: 33; Đất& Dinh dưỡng cây trồng: 31; Qui hoạch& sử dụng đất NN: 30; Chăn nuôi động vật: 6; Dinh dưỡng & thức ăn chăn nuôi: 4; Hệ thống nông nghiệp:23. Số giảng viên hợp đồng thỉnh giảng phân theo trình độ giảng viên có: 24 GS, 61 PGS, 49 TS. Trong đó số giảng viên hướng dẫn luận văn Cao học là 79 người. Số giảng viên tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện có là 92 người, trong đó có 13 GS, 38 PGS và 41 TS.

Qua đó cho thấy, đội ngũ giảng viên, người hướng dẫn khoa học của cơ sở đào tạo là tương đối đủ, 100% có trình độ tiến sĩ trở lên, tỷ lệ cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư chiếm trên 50%, đặc biệt ở một số chuyên ngành tỷ lệ này rất cao như chuyên ngành Trồng trọt (82%), Bảo vệ thực vật (90%). Chất lượng cụ thể về đội ngũ giảng viên, người hướng dẫn khoa học cũng được đánh giá cao.

Bảng 2.5: Kết quả đánh giá chất lượng giảng viên, người hướng dẫn khoa học

Đánh giá chất lượng giảng viên, người hướng dẫn khoa học	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1. Giảng viên tham gia đào tạo HV, NCS có sách chuyên khảo/giáo trình về chuyên ngành đào tạo	50	8	2	0
2. Giảng viên tham gia đào tạo HV, NCS có công trình chuyên sâu về chuyên ngành đào tạo	56	4	0	0
3. HV, NCS được người hướng dẫn giúp đỡ tận tình	56	4	0	0
4. HV, NCS được người hướng dẫn dành nhiều thời gian giúp đỡ	58	12	0	0
5. Người hướng dẫn HV, NCS là những cán bộ khoa học có thâm niên, kinh nghiệm	58	2	0	0
6. Người hướng dẫn HV, NCS có sách chuyên khảo/giáo trình thuộc chuyên ngành đào tạo HV, NCS	46	12	2	0
7. Người hướng dẫn HV, NCS có công trình nghiên cứu chuyên sâu thuộc chuyên ngành đào tạo HV, NCS	52	8	0	0
Tổng	60			

2.3.4. Quản lý phương pháp giảng dạy của giảng viên, phương pháp hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn.

Trong chương trình đào tạo thạc sĩ, giảng viên đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc truyền tải kiến thức và định hướng học tập, nghiên cứu cho học viên. Vì thế phương pháp giảng dạy ở bậc đào tạo này đặc biệt được chú ý quan tâm. Tuy nhiên, trong công tác quản lý đào tạo, biện pháp quản lý phương pháp giảng dạy chưa được chú ý đúng mức.

Đối với chương trình đào tạo tiến sĩ, giảng viên chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn, chỉ đạo nghiên cứu sinh tự tìm tòi học tập và nghiên cứu. Vì thế phương pháp giảng dạy ở bậc học này vẫn chưa được định hình rõ nét.

Trong quá trình đào tạo, Viện để giảng viên tự quyết định phương pháp giảng dạy nhằm đạt kết quả học tập cao nhất. Vì các giảng viên cũng đều là các giáo sư, tiến sĩ, những nhà khoa học đầu ngành không chỉ có kiến thức chuyên sâu mà còn có kinh nghiệm giảng dạy nhiều năm và tâm huyết với nghề. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tư duy giáo dục kiểu cũ vốn ăn sâu bám rễ, nhiều giảng viên vẫn chọn phương pháp giảng dạy là thuyết trình một chiều, tuy lượng kiến thức đưa ra lớn nhưng không khỏi gây tâm lý thụ động, chán nản cho học viên và nghiên cứu sinh.

Đối với công tác hướng dẫn học viên và nghiên cứu sinh làm luận văn, luận án của cán bộ hướng dẫn, cơ sở đào tạo cũng chưa có sự giám sát chặt chẽ, quy định cụ thể mà chủ yếu phụ thuộc vào sự chủ động làm việc giữa cán bộ hướng dẫn và học viên, nghiên cứu sinh.

2.3.5. Quản lý công tác đánh giá học viên, nghiên cứu sinh của giảng viên.

Công tác đánh giá học viên và nghiên cứu sinh của giảng viên được thể hiện thông qua hệ thống điểm các học phần, chuyên đề và nhận xét định kỳ về quá trình học tập, thái độ học tập của học viên và nghiên cứu sinh. Các đánh giá trên được quản lý bằng văn bản và bằng hệ thống quản lý trên máy nên đảm bảo tính trung thực, chính xác.

2.3.6. Quản lý hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo.

Thư viện của Viện được đầu tư hàng nghìn cuốn sách, cùng các công trình nghiên cứu, báo, tạp chí chuyên ngành liên quan đến nông nghiệp để phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Hệ thống tài liệu này được quản lý một cách khoa học, hiện đại, đảm bảo cho việc tìm kiếm dễ dàng, thuận lợi. Tuy nhiên, về cơ bản, Viện chưa có một hệ thống giáo trình chuẩn, làm căn bản trong quá trình học tập của học viên và nghiên cứu sinh. Hệ thống tài liệu vẫn mang tính tản mạn, còp nhặt. Vì vậy, học viên và nghiên cứu sinh gặp nhiều khó khăn trong việc tìm giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với nội dung nghiên cứu.

2.3.7. Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

Viện đã chú ý đầu tư tương đối tốt cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo sau đại học. Hiện nay, Viện có 06 phòng học, 01 phòng semina cùng hệ thống các phòng thí nghiệm được đặt ở các đơn vị thuộc Viện, 01 một thư Viện tổng hợp và 12 thư viện chuyên ngành với hàng chục ngàn đầu sách, giáo trình, tạp chí, báo các loại...đáp ứng nhu cầu tham khảo, nghiên cứu.

Việc nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm thường xuyên. Giảng đường, phòng học được sửa sang, lắp đặt điều hoà nhiệt độ, đảm bảo sạch đẹp,

thông thoáng. Phòng máy tính được trang bị nhiều bộ máy mới, đã sắm thêm hai máy chiếu để phục vụ học tập.

Nhìn chung cả học viên, nghiên cứu sinh và người hướng dẫn đều đánh giá trang thiết bị học tập của Viện là đầy đủ, hiện đại. Tỷ lệ đánh giá trung bình chung tương đối cao: > 90%.

Bảng 2.6. Đánh giá về cơ sở vật chất

Nội dung	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1. Trang thiết bị giảng dạy và học tập hiện đại, đáp ứng đủ nhu cầu của học viên, nghiên cứu sinh và giảng viên	58	2	0	0
2. Chỗ học tập và nghiên cứu của học viên, nghiên cứu sinh được sắp xếp đầy đủ	50	10	0	0
3. Trang thiết bị giảng dạy và học tập được sử dụng hiệu quả	51	9	0	0
4. Website của CSĐT đăng tải các thông tin có liên quan đến đào tạo HV, NCS và được cập nhật thường xuyên	40	16	4	0
5. Sách chuyên ngành được cung cấp đầy đủ, kịp thời	52	8	0	0
6. Báo/tạp chí chuyên ngành được cập nhật thường xuyên	52	8	0	0
7. Hệ thống tra cứu, mượn tài liệu dễ dàng	56	4	0	0
Tổng	60			

2.4. Chất lượng đào tạo sau đại học của viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Trong những năm qua, công tác đào tạo sau đại học đã được Viện rất chú trọng vì nó góp phần quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho ngành nông nghiệp nói riêng và cho toàn xã hội nói chung. Tính đến nay, Viện đã có lịch sử 30 năm đào tạo sau đại học cho ngành nông nghiệp, đào tạo được gần 400 tiến sĩ và gần 1 ngàn thạc sĩ. Vấn đề chất lượng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, nâng cao chất lượng đào tạo học viên và nghiên cứu sinh là vấn đề được Viện và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn rất quan tâm. Trong quá trình 5 năm qua, sự nghiệp đào tạo sau đại học của Viện đã có những bước tiến quan trọng: quy mô đào tạo được mở rộng, chuyên ngành đào tạo được bổ sung sát với yêu cầu thực đào tạo của Viện và đòi hỏi của xã hội, đội ngũ giảng viên được tăng cường, cơ sở vật chất được chú trọng đầu tư.

2.5. Nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đào tạo sau đại học của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam:

2.5.1. Nguyên nhân khách quan.

- Chính sách quy định đối với việc đào tạo sau đại học còn chưa cụ thể, chưa có hiệu lực trong thực tiễn.

- Chưa có chính sách đánh giá về quản lý chất lượng, các quyền lợi, nghĩa vụ kèm theo, các mức chất lượng được đánh giá với các cơ sở đào tạo sau đại học trong giai đoạn phát triển đổi mới của nền kinh tế tri thức, kinh tế hội nhập như hiện nay.

- Ngân sách cho đào tạo sau đại học trong tình trạng còn eo hẹp

2.5.2. Nguyên nhân chủ quan.

- Còn chịu ảnh hưởng của cơ chế quản lý tập trung, chưa thực sự năng động, linh hoạt trong việc cải tiến chất lượng đào tạo theo hướng cung sang cầu.

- Chưa đi sâu nghiên cứu viết giáo trình, làm mô hình thí nghiệm, sáng chế, cải tiến các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nội dung chương trình và tài liệu dạy học đã lạc hậu, thiếu thốn, cũ kỹ thiếu cập nhật.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn về số lượng, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, đặc biệt là trang thiết bị thực hành, thí nghiệm.

- Còn trông chờ vào cơ quan Nhà nước, những điều kiện sẵn có, chưa chủ động quảng bá, tuyên truyền về cơ sở đào tạo...

2.6. Kết luận chương 2

Trong chương này chúng tôi khái quát chung về công tác quản lý đào tạo sau đại học của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam đến nay có thể nói Viện có đủ điều kiện để trở thành “Cơ sở đào tạo sau đại học có chất lượng phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển đào tạo sau đại học của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nước nhà và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”

Điều tra, nghiên cứu thực trạng công tác quản lý đào tạo sau đại học của Viện, đi sâu tìm hiểu công tác quản lý đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ của Viện. Nhằm tìm ra những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo để có biện pháp đổi mới trong công tác quản lý phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, các cơ sở liên kết đào tạo và đối với học viên, nghiên cứu sinh, nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo.

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC TẠI VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

3.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp

3.1.1. Các yêu cầu (có tính nguyên tắc) của biện pháp.

- Các biện pháp phải vừa đáp ứng các yêu cầu trước mắt, phải vừa có tính cơ bản, có giá trị ổn định tương đối lâu dài, hướng tới tương lai.

- Các biện pháp phải có tính đồng bộ, hệ thống.

- Các biện pháp phải có tính thực tiễn.

- Các biện pháp phải có tính khả thi.

*Nguyên tắc hiệu quả quản lý:

*Nguyên tắc sử dụng phối hợp các phương pháp quản lý

- Các biện pháp phải đảm bảo tính hiệu quả.

3.1.2. Các yêu cầu (có tính định hướng) của phát triển giáo dục – đào tạo trong thời đại ngày nay

- Mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục đào tạo.

- Nhiệm vụ và giải pháp của chiến lược phát triển giáo dục đào tạo.

- Sự phát triển của công nghệ thông tin.

- Những định hướng và nhiệm vụ trọng tâm của Đào tạo sau đại học.

3.2. Các biện pháp quản lý đào tạo sau đại học tại Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam

3.2.1. Nhóm biện pháp: *Đổi mới công tác quản lý tổ chức đào tạo sau đại học*

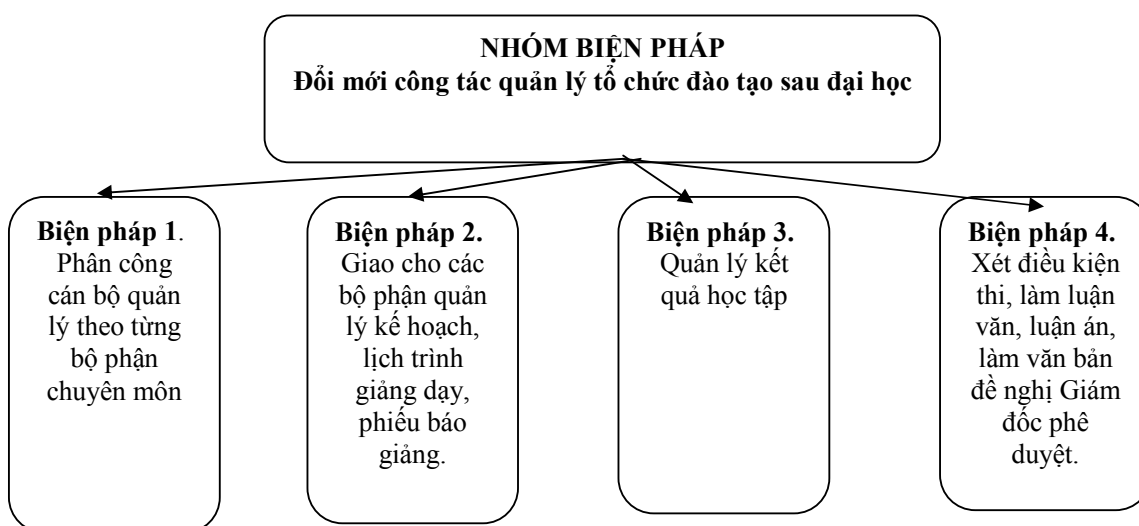
** Mục đích:*

Công tác quản lý đào tạo sau đại học là một hoạt động được thực hiện thường xuyên liên tục theo suốt quá trình đào tạo và bằng những hoạt động quản lý của mình tác động vào quá trình đào tạo nhằm hướng cho hoạt động dạy và học đạt được những mục tiêu, yêu cầu của đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.

** Nội dung:*

Tập trung chủ yếu vào các nhiệm vụ và công việc tổ chức đào tạo sau đại học của Viện.

Sơ đồ 3.1: *Đổi mới công tác quản lý tổ chức đào tạo SDH*



****Biện pháp 1: Phân công cán bộ quản lý theo từng bộ phận chuyên môn***

- *Về cơ cấu nhân sự:* Ban đào tạo sau đại học phải có kế hoạch trình Ban giám đốc xin được bổ sung nhân sự.

- *Đổi mới cơ chế điều hành:* Gồm 03 cấp: Viện – Ban Đào tạo sau đại học – Viện trực thuộc (nơi học viên, nghiên cứu sinh sinh hoạt học thuật).

**** Biện pháp 2: Quản lý kế hoạch đào tạo, lịch trình giảng dạy, phiếu báo giảng.***

- *Về cơ cấu nhân sự:* Cán bộ quản lý kế hoạch đào tạo phải cụ thể hóa được các giai đoạn của quá trình đào tạo nhằm kiểm tra giám sát, phát hiện những bất cập trong công tác tổ chức giảng dạy và học tập để có biện pháp trình lãnh đạo khắc phục kịp thời, nâng cao hiệu quả quản lý.

- *Cơ chế điều hành:* Viện và lãnh đạo Ban Đào tạo giao nhiệm vụ cho cán bộ quản lý trực tiếp đảm nhận một bậc đào tạo, quản lý kế hoạch của từng chuyên ngành đào tạo.

**** Biện pháp 3: Quản lý kết quả học tập theo 2 đơn vị: Ban Đào tạo và cơ sở liên kết đào tạo.***

- *Về cơ cấu nhân sự:* Mỗi bảng điểm đều được lưu giữ theo chế độ bảo mật tại Ban Đào tạo và cơ sở liên kết đào tạo.

- *Tổ chức thực hiện:* Để thực sự khách quan trong công tác quản lý kết quả học tập và cơ sở để xét điều kiện bảo vệ luận văn, luận án, xét công nhận tốt nghiệp, mỗi học phần sau khi có kết quả đều phải in làm 3 bản, bản gốc do Ban Đào tạo nhập điểm và lưu giữ theo chế độ bảo mật và vĩnh viễn. Còn hai bản phô tô thì 1 gửi cho cơ sở liên kết, 1 dán thông báo để học viên và nghiên cứu sinh được biết.

*** *Biện pháp 4: Quản lý, xét cho thi học phần và điều kiện bảo vệ luận văn, luận án.***

- *Cơ chế nhân sự:* Ban Đào tạo và giảng viên, cơ sở liên kết đào tạo xét điều kiện cho dự thi kết thúc học phần và xét điều kiện cho bảo vệ luận văn, luận án cho học viên và nghiên cứu sinh.

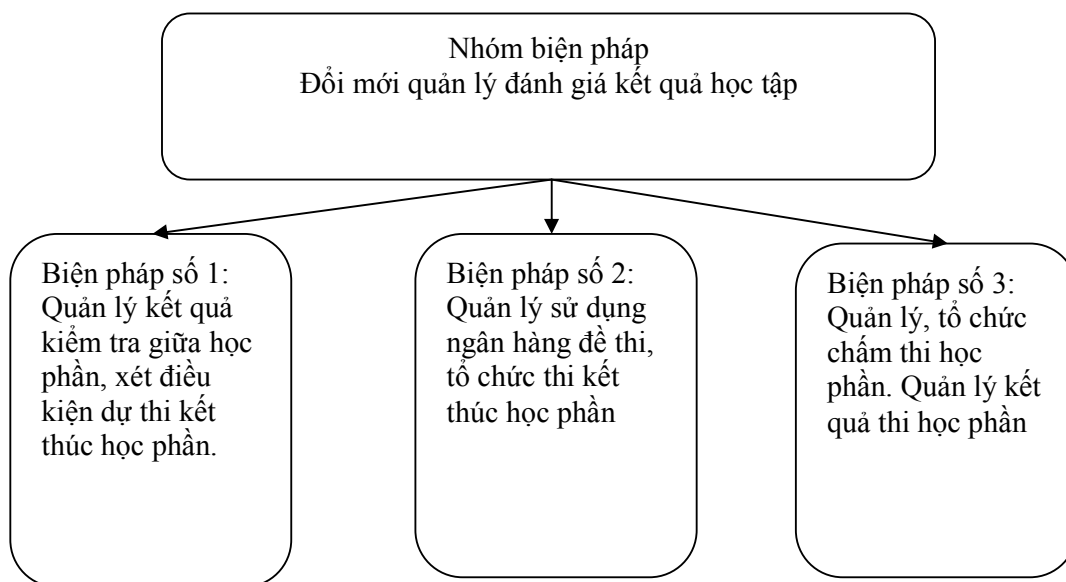
- *Cơ cấu điều hành:* Dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Viện, Ban Đào tạo căn cứ vào kế hoạch đào tạo và lịch trình giảng dạy để xác định và quản lý chặt chẽ số học phần phải tổ chức thi theo từng giai đoạn và điều kiện để bảo vệ luận văn, luận án.

3.2.2. *Nhóm biện pháp đổi mới quản lý đánh giá kết quả học tập.*

* *Mục đích:* Quản lý tốt việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, thực hiện chuyên đề, đề cương, luận văn, luận án, đảm bảo được công bằng, khách quan, nghiêm túc trong đánh giá, tạo động lực thúc đẩy tích cực trong hoạt động dạy và học, là công cụ đo trình độ phát triển trí tuệ, khả năng nghiên cứu, hướng dẫn khoa học của người học.

* *Nội dung:* Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ và Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2011 về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và đào tạo thì cấu trúc chương trình đào tạo Thạc sĩ:

Sơ đồ 3.2. Đổi mới quản lý đánh giá kết quả học tập



****Biện pháp số 1: Quản lý kết quả kiểm tra giữa học phần, xét điều kiện dự thi kết thúc học phần.***

- *Cơ cấu tổ chức:* Cán bộ quản lý phải phối hợp với giảng viên, ban cán sự lớp, căn cứ lịch trình giảng dạy, thời gian kết thúc học phần để tổng hợp kết quả xét điều kiện dự thi học phần cho học viên và nghiên cứu sinh.

- *Cơ chế điều hành:* Cán bộ quản lý phải nắm vững lịch trình giảng dạy ngay từ khi triển khai kế hoạch đào tạo, làm việc cụ thể với giảng viên, học viên từng chuyên ngành để thống nhất thời gian, hình thức kiểm tra giữa học phần và nộp kết quả cùng phiếu báo giảng. Thông qua hai bộ phận là giảng viên và lớp học. Đối với giảng viên thì nhận xét về quá trình tham gia học phần của từng học viên, nghiên cứu sinh thông qua sổ theo dõi học tập: thái độ tham gia học tập, sĩ số, số học viên không tham dự đủ 80% số tiết lên lớp thực tế theo quy định của từng học phần.. Đối với cán bộ quản lý thì quản lý lịch trình giảng dạy của giảng viên, đảm bảo số tiết dạy theo quy định của học phần.

****Biện pháp số 2: Quản lý sử dụng ngân hàng đề thi, tổ chức thi kết thúc học phần.***

- *Cơ cấu nhân sự:* Công tác đề thi: sử dụng đề thi của ngân hàng đề thi do Ban quản lý do các cán bộ giảng dạy giàu kinh nghiệm, có học hàm học vị soạn thảo.

Công tác tổ chức thi kết thúc học phần: cần có sự chỉ đạo sát sao của Ban giám đốc Viện, phòng Thanh tra – pháp chế, lãnh đạo Ban Đào tạo và cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác.

- *Tổ chức thực hiện:* Cán bộ quản lý Ban Đào tạo trực tiếp nhận đề và quản lý đề thi do lãnh đạo Ban Đào tạo và phòng Thanh tra – pháp chế bốc thăm duyệt đề, in đề, đóng gói theo phòng thi và niêm phong, để đến Hội đồng coi thi của từng chuyên ngành.

Mẫu: Danh sách dự thi và kết quả đánh giá học phần.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
VIỆN KHOA HỌC NÔNG NAM
NGHIỆP VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH, BIÊN BẢN BÀN GIAO
BÀI THI, CHẤM THI VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

Học phần: Đơn vị học trình.....

Chuyên ngành.....Khóa.....

Năm học:

Thi lần thứ.....ngày thi.....

Thời gian.....

Trọng số tính điểm:.....

STT	Số báo danh	Họ tên học viên	Ngày sinh	Điểm thành phần	Thi kết thúc học phần			Điểm học phần
					Số tờ	Chữ ký thí sinh	Điểm	

1	K18.CN01	Nguyễn Thị Vân	16/6/1976	7	Không đủ đk dự thi do thiếu điểm thành phần			
2	K18.CN02	Lê Thị Tuyết	25/5/1967	6				
3	K18.CN03	Bùi Lan Anh	7/4/1984	8	Không đủ đk thi do nghỉ quá 80%			
4	K18.CN04	Trịnh Thị Loan	5/11/1982	9				

(Danh sách gồm 04 học viên)

Số học viên đủ điều kiện dự thi:.....Số học viên không đủ điều kiện dự thi

Tổng số bài thi.....

Tổng số tờ.....

Họ, tên, chữ ký CB coi thi thứ nhất:

Hà nội, ngày.....tháng.....năm

GIÁM ĐỐC

Họ, tên chữ ký CB coi thi thứ hai:

Họ, tên chữ ký CB chấm thi thứ nhất

BAN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC DUYỆT

Họ, tên chữ ký CB chấm thi thứ hai

****Biện pháp số 3: Quản lý, tổ chức chấm thi học phần. Quản lý kết quả thi học phần.***

- *Cơ cấu nhân sự:* Dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Viện, lãnh đạo Ban Đào tạo sau đại học, Cán bộ quản lý Ban Đào tạo quản lý tổ chức làm phách, chấm thi kết thúc học phần. Công tác chấm thi kết thúc học phần đảm bảo: có hai cán bộ giảng dạy chấm chung tại văn phòng của Ban Đào tạo.

- *Tổ chức thực hiện:* Sau khi tổ chức thi học phần, cán bộ quản lý Ban Đào tạo giao bài thi cho Lãnh đạo Ban (cần có sổ bàn giao số học phần, sổ túi, sổ bài và sổ tờ giấy thi đã ghi ở bì đựng bài thi)

Cán bộ quản lý cùng lãnh đạo Ban tiến hành đọc phách, biên bản thu bài, đầu phách phải được bảo quản theo chế độ bảo mật có niêm phong.

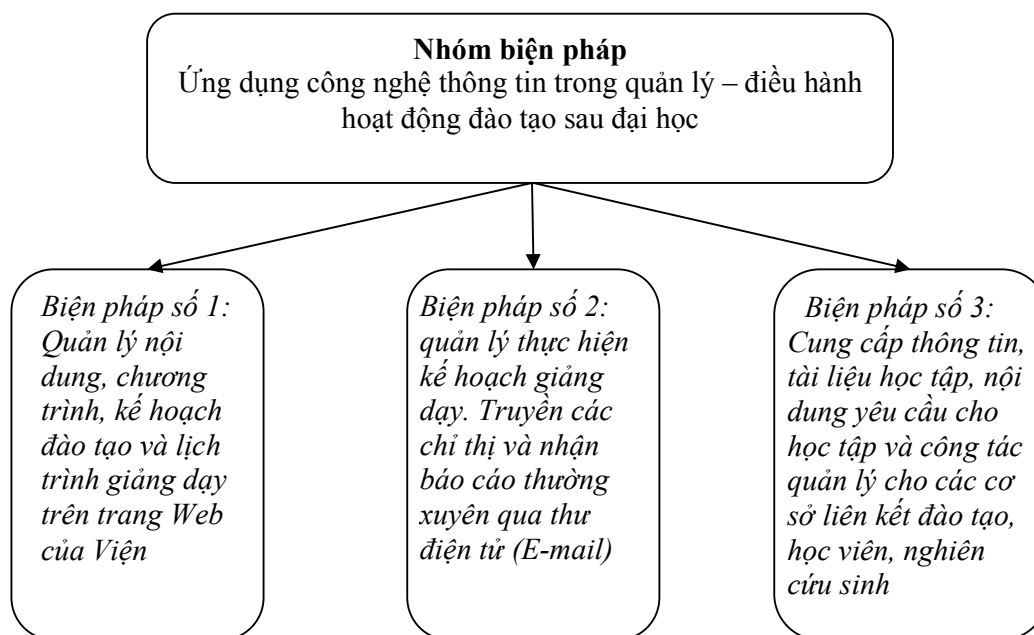
3.2.3. Nhóm biện pháp: ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành hoạt động đào tạo sau đại học của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam

* *Mục đích:* Sử dụng công nghệ thông tin để cung cấp cho giảng viên các điều kiện, những yếu tố kỹ thuật mới phát triển hoạt động nghề nghiệp của mình, cung cấp cho cán bộ quản lý những công cụ, phương pháp và phương tiện mới để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất và có hiệu quả.

* *Nội dung:*

Tổ chức tốt, đồng bộ giữa hệ thống thu nhận dữ liệu thông tin của Viện với cơ sở liên kết đào tạo, học viên, nghiên cứu sinh và giảng viên tạo ra nề nếp định kỳ cập nhật thông tin, trao đổi thông tin. Đặc biệt là cách khai thác thông tin và sử dụng thông tin trong công tác quản lý của mình.

Sơ đồ 3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành hoạt động đào tạo sau đại học Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam.



** Điều kiện thực hiện.*

Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam đã có mạng nội bộ (mạng LAN) nối toàn bộ các phòng ban trong khối văn phòng (chưa thực hiện được đối với tất cả các đơn vị trực thuộc)

Các cơ sở liên kết đào tạo cũng đã có nối mạng Internet và có E-mail

- Địa chỉ liên lạc của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Website: vaas.org.vn

E-mail: vaas@hn.vnn.vn

- Địa chỉ liên lạc của Ban Đào tạo sau đại học

E-mail: sdhvaas@hn.vnn.vn

Trưởng Ban Đào tạo: E-mail: toanpv.khcn@mard.gov.vn

- Các cán bộ quản lý, giảng viên đều có E-mail riêng của mình.

** Tổ chức thực hiện:*

- *Tổ chức thực hiện biện pháp thứ nhất:* Ban Đào tạo sau đại học chuyển tải nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, lịch trình giảng dạy của từng học phần, phương thức tổ chức học tập, lịch thi học phần, kế hoạch, lịch bảo vệ đề cương, chuyên đề, luận văn, luận án của từng chuyên ngành, khóa đào tạo trên trang Web của Viện.

- *Tổ chức thực hiện biện pháp thứ 2:* Ban Đào tạo phối hợp cùng cơ sở liên kết đào tạo luôn trao đổi thông tin qua E-mail để nắm được việc thực hiện hoạt động dạy và học, cập nhật những thông tin thay đổi trong quá trình đào tạo do cơ sở liên kết đưa ra. Truyền thông tin, yêu cầu từ cơ sở đào tạo đến học viên, nghiên cứu sinh và nhận báo cáo phản ánh tình hình từ học viên và viên nghiên cứu sinh.

- *Tổ chức thực hiện biện pháp thứ 3:* Các giảng viên nắm được lịch trình giảng dạy, để soạn bài theo yêu cầu của từng bậc đào tạo (đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ). Những yêu cầu về nội dung, lý thuyết, thực hành, thảo luận và tài liệu tham khảo để làm tiêu luận và các vấn đề cần thiết như: dụng cụ, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc đổi mới phương pháp dạy học.

3.3. Khảo sát tính khả thi của các biện pháp quản lý đào tạo sau đại học tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

** Nhóm biện pháp: Đổi mới công tác quản lý tổ chức đào tạo sau đại học.*

- + Bước 1: *Xây dựng mẫu phiếu trưng cầu ý kiến (phụ lục)*
- + Bước 2: *Lựa chọn chuyên gia:*
- + Bước 3: *Lấy ý kiến chuyên gia và tổng hợp kết quả:*
- + Bước 4: *Tổng hợp ý kiến và nhận xét:*

Bảng 3.1. Bảng tổng hợp trưng cầu ý kiến của nhóm biện pháp đổi mới công tác quản lý đào tạo sau đại học

Nhóm biện pháp	Số người trả lời qua phiếu	Mức độ cần thiết (%)			Mức độ khả thi, có hiệu quả (%)		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất hiệu quả	Có hiệu quả	Không hiệu quả
Phân công cán bộ quản lý theo từng bộ phận chuyên môn	45	68.8	28	3.2	79.7	18.2	2.1
Quản lý kế hoạch đào tạo, lịch trình giảng dạy, phiếu báo giảng.	45	75.3	18.2	6.5	77.8	18.2	4.3
Quản lý kết quả học tập theo 2 đơn vị: Ban Đào tạo và cơ sở liên kết đào tạo.	45	84.9	11.9	3.2	87.0	13.0	0
Quản lý, xét cho thi học phần và điều kiện bảo vệ luận văn, luận án.	45	79.6	15.1	5.3	83.8	10.8	5.4
Trung bình		77.2	18.3	40.5	82.1	15.0	2.9

Ở nhóm biện pháp này, trong số 45 chuyên gia được hỏi (trả lời theo phiếu hỏi) có tới 95.5% cho là nhóm biện pháp này là cần thiết trong việc đổi mới công tác quản lý đào tạo sau đại học và 97.1% cho là sử dụng nhóm biện pháp này sẽ có hiệu

quả. Do vậy, có thể nói sử dụng nhóm biện pháp này trong công tác quản lý đào tạo sau đại học để nâng cao hiệu quả quản lý, chấn chỉnh những yếu kém trong công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo.

*** Nhóm biện pháp: Đổi mới quản lý đánh giá kết quả học tập.**

+ Bước 1: *Xây dựng mẫu phiếu trưng cầu ý kiến (phụ lục)*

+ Bước 2: *Lựa chọn chuyên gia (như nhóm biện pháp 1)*

+ Bước 3: *Lấy ý kiến chuyên gia và tổng hợp kết quả:*

+ Bước 4: *Tổng hợp ý kiến và nhận xét:*

Bảng 3.2. Bảng tổng hợp trưng cầu ý kiến của nhóm biện pháp đổi mới quản lý đánh giá kết quả học tập

Nhóm biện pháp	Số người trả lời qua phiếu	Mức độ cần thiết (%)			Mức độ khả thi, có hiệu quả (%)		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất hiệu quả	Có hiệu quả	Không hiệu quả
Quản lý kết quả kiểm tra giữa học phần, xét điều kiện dự thi kết thúc học phần.	45	72.7	19.3	8.0	64.8	29.5	5.7
Quản lý sử dụng ngân hàng đề thi, tổ chức thi kết thúc học phần.	45	69.3	20.5	10.2	65.9	27.3	6.8
Quản lý, tổ chức chấm thi học phần. Quản lý kết quả thi học phần.	45	83.0	17.0	0.0	84.1	15.9	0
Trung bình		75.0	18.9	6.1	71.6	24.2	4.2

Ở nhóm biện pháp này có 8.0% cán bộ cho là không cần thiết phải xét điều kiện dự thi học phần và 5.7 % cán bộ cho là sẽ không có hiệu quả. Việc sử dụng ngân hàng đề thi và tổ chức thi kết thúc học phần thì có 10.2% cán bộ cho là không cần thiết và 6.8% cho là không có hiệu quả vì họ cho là ở bậc đào tạo này người học hầu hết đều là người đi đã đi làm, thời gian bị hạn chết nên việc tổ chức thi học phần là hết sức khó khăn. Còn việc tổ chức chấm thi và đào tạo quản lý kết quả học phần thì 100% cán bộ cho là hợp lý. Song để đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý, chấn chỉnh công tác quản lý đào tạo, khắc phục những tình trạng gian lận, tiêu cực trong thi cử, khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo. Cho nên ở nhóm biện pháp này vẫn có 93.9% cán bộ cho là cần thiết phải áp dụng và 95.8% cán bộ cho là có hiệu quả.

*** Nhóm biện pháp: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành hoạt động đào tạo sau đại của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.**

+ Bước 1: *Xây dựng mẫu phiếu trưng cầu ý kiến (phụ lục)*

+ Bước 2: *Lựa chọn chuyên gia :*

+ Bước 3: *Lấy ý kiến và tổng hợp kết quả:*

+ Bước 4: *Tổng hợp ý kiến và nhận xét:*

Bảng 3.3. Bảng tổng hợp trung cầu ý kiến của nhóm biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành hoạt động đào tạo sau đại học của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

Nhóm biện pháp	Số người trả lời qua phiếu	Mức độ cần thiết (%)			Mức độ khả thi, có hiệu quả (%)		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất hiệu quả	Có hiệu quả	Không hiệu quả
Quản lý nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo và lịch trình giảng dạy trên trang Web của Viện	103	77.3	18.2	4.5	88.6	9.4	2.0
Quản lý thực hiện kế hoạch giảng dạy. Truyền các chỉ thị và nhận báo cáo thường xuyên qua thư điện tử (E-mail)	103	61.1	30.0	8.9	71.9	23.2	4.9
Cung cấp thông tin, tài liệu học tập, nội dung yêu cầu cho học tập và công tác quản lý cho các cơ sở liên kết đào tạo, học viên, nghiên cứu sinh	103	61.6	34.5	3.9	73.4	24.1	2.5
Trung bình		66.7	27.6	5.7	78.0	18.9	3.1

Đây cũng là những biện pháp mới với quản lý, công nghệ thông tin là một cơ sở hạ tầng của xã hội hiện đại, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của xã hội là hết sức cần thiết. Khi thống kê phiếu điều tra có tới 94.3% cán bộ quản lý và học viên, nghiên cứu sinh cho là cần thiết phải áp dụng nhóm biện pháp này và 97.1% cho là sẽ có tác dụng trong công tác quản lý, phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3.4. Kết luận chương 3

Trong chương này chúng tôi đề ra một số biện pháp và tiến hành điều tra khảo sát về việc đánh giá các biện pháp quản lý đào tạo sau đại học của Viện để xem xét mức độ cần thiết của các biện pháp này và tính khả thi với mức độ tác dụng của các biện pháp. Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy: trên 90% chuyên gia cho rằng cần thiết để tăng cường sự quản lý của Viện về công tác đào tạo sau đại học và trên 90% chuyên gia cho là các biện pháp chúng tôi đưa ra thực hiện được và có hiệu quả.

Đương nhiên, để các biện pháp này thực hiện được phải có tính đồng bộ từ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban giám đốc Viện tới lãnh đạo Ban đào tạo, cơ sở liên kết đào tạo, cơ quan quản lý, nơi học viên, nghiên cứu sinh sinh hoạt học thuật phải đồng lòng thực hiện, nhất là tạo điều kiện cho cán bộ quản lý của Ban Đào tạo có thời gian, phương tiện và cơ sở vật chất để hoàn thành nhiệm vụ.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề xuất một số nhóm biện pháp để quản lý tốt công tác tổ chức hoạt động đào tạo sau đại học của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

* *Nhóm các biện pháp: Đổi mới công tác quản lý tổ chức đào tạo sau đại học:* xây dựng cơ chế quản lý hợp lý, xác định nhiệm vụ trọng yếu của cán bộ quản lý đào tạo sau đại học là xây dựng kế hoạch đào tạo, cụ thể hóa từng giai đoạn, theo dõi giám sát giúp cho quá trình đào tạo diễn ra theo đúng mục tiêu đào tạo.

* *Nhóm biện pháp: Đổi mới quản lý đánh giá kết quả học tập của đào tạo sau đại học.* Xây dựng đồng bộ quy trình đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của học viên, nghiên cứu sinh, để kiểm tra đánh giá kết quả học tập là nhiệm vụ quan trọng đảm bảo công bằng, khách quan, nghiêm túc tạo động lực thúc đẩy tích cực trong hoạt động dạy và học.

* *Nhóm biện pháp: ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành hoạt động đào tạo sau đại học.* Với quan điểm coi công nghệ thông tin là một cơ sở hạ tầng của xã hội hiện đại, việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội là hết sức cần thiết. Ứng dụng công nghệ thông tin trong Viện để cung cấp cho giảng viên các điều kiện, những yếu tố kỹ thuật mới hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện những đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.

2. Khuyến nghị.

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Có những văn bản cụ thể về việc quy định và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ đào tạo sau đại học đối với các đơn vị nghiên cứu khoa học có chức năng đào tạo sau đại học

2.2. Đối với Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

- Cần đổi mới cơ chế quản lý cho phù hợp với đào tạo sau đại học tại Viện.
- Bổ sung cán bộ quản lý
- Tổ chức cho cán bộ quản lý đi đào tạo, thăm quan, học tập tại các cơ sở đào tạo lớn trong cả nước về kỹ năng quản lý.
- Có chế độ thỏa đáng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, đi lại của cán bộ, giảng viên trong công tác tuyển sinh, kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài luận văn, luận án của học viên và nghiên cứu sinh.

2.3 Đối với các cơ quan quản lý, nơi học viên, nghiên cứu sinh sinh hoạt học thuật.

- Đưa ra những yêu cầu về tri thức, kỹ năng, thái độ của cán bộ qua đào tạo sau đại học.

- Tham gia với các cơ sở đào tạo về xác định mục tiêu, biên soạn nội dung chương trình đào tạo cho các chuyên ngành.

- Thực hiện hỗ trợ nghĩa vụ đối với cơ sở đào tạo sau đại học
- Hợp tác với cơ sở đào tạo để thiết lập hệ thống thông tin dịch vụ đào tạoch vụ đào tạo.